

Có	1521	12.000.000
Có	1522	4.000.000

Tiền lương phải trả cho CB-CNV :

3	Nợ	622	6.000.000
	Nợ	627	600.000
	Nợ	641	1.000.000
	Nợ	642	400.000
	Có	334	8.000.000

Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào các chi phí liên quan :

4	Nợ	622	1.140.000
	Nợ	627	114.000
	Nợ	641	190.000
	Nợ	642	76.000
	Có	338	1.520.000

Mức khấu hao tăng :

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{400.000.000 * 12\%}{12} = 4.000.000 \text{ đồng}$$

Mức khấu hao giảm :

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{100.000.000 * 15\%}{12} = 1.250.000 \text{ đồng}$$

Mức trích khấu hao kỳ này :

$$\text{Mức khấu hao} = 2.000.000 + 4.000.000 - 1.250.000 = 4.750.000$$

Trích khấu hao TSCĐ trong tháng :

5	Nợ	627	4.750.000
	Có	214	4.750.000

Bàn giao nhà xưởng đưa vào sử dụng :

6	Nợ	211	300.000.000
		Có 241	300.000.000

Thanh lý TSCĐ :

7	Nợ	811	40.000.000
	Nợ	214	80.000.000
		Có 211	120.000.000

Bán TSCĐ thu bằng TGNH :

8	Nợ	112	77.000.000
		Có 3331	7.000.000
		Có 711	70.000.000

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm :

9	Nợ	154	16.000.000
		Có 621	16.000.000

Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm :

10	Nợ	154	7.140.000
		Có 622	7.140.000

Kết chuyển chi phí sản xuất chung trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm :

11	Nợ	154	5.464.000
		Có 627	5.464.000

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ :

$$\text{CPSPDDCK} = \frac{2.000.000 + 16.000.000}{750 + 50} * 50 = 1.125.000$$

Bút toán nhập kho thành phẩm :

12	Nợ	155	29.250.000
		Có	154
			29.250.000

Tổng giá thành nhập kho :

$$2.000.000 + 28.604.000 - 1.125.000 - 229.000 = 29.250.000$$

$$\text{Đơn vị} = \frac{29.250.000}{750} = 39.000$$

5.2.3 Bài tập số 03

Tại 1 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có tình hình phát sinh các nghiệp vụ trong các tài liệu như sau :

Tài liệu 1 : Vật liệu tồn kho đầu kỳ :

- Nguyên liệu chính : 2.000 kg, đơn giá nhập kho là 2.000 đồng/kg.
- Vật liệu phụ : 1.000 kg, đơn giá là 1.000 đồng/kg

Tài liệu 2 : Tình hình nhập xuất vật tư trong kỳ :

1. Nhập kho 3.000 kg nguyên vật liệu chính giá mua 2.000 đồng/kg, thuế GTGT là 10%, tiền chưa thanh toán cho người bán, chi phí bốc dỡ, vận chuyển về đến kho của doanh nghiệp là 315.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt. Biết rằng, lô hàng này được hưởng chiết khấu thương mại 100 đồng/kg.
2. Nhập kho 1.000 kg vật liệu phụ giá mua 950 đồng/kg, thuế GTGT là 10%, đã thanh toán bằng TGNH, chi phí bốc dỡ vận chuyển hàng về đến kho của doanh nghiệp 55.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.
3. Xuất kho 3.000 kg nguyên vật liệu chính sử dụng ở bộ phận sản xuất sản phẩm.

4. Xuất kho 700 kg vật liệu phụ, trong đó sử dụng để sản xuất sản phẩm là 600 kg, số còn lại sử dụng ở bộ phận quản lý phân xưởng sản xuất.

Tài liệu 3 : Căn cứ vào bảng lương trong kỳ :

1. Tiền lương phải thanh toán cho CB–CNV trực tiếp sản xuất sản phẩm là 8.000.000 đồng; quản lý phân xưởng 1.000.000 đồng; hoạt động bán hàng 2.000.000 đồng; quản lý doanh nghiệp : 1.500.000 đồng.
2. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định để tính vào các đối tượng chi phí có liên quan kể cả phần trừ BHXH, BHYT của CB–CNV.

Tài liệu 4 : TSCĐ trích khấu hao trong kỳ đưa vào chi phí có liên quan :

TSCĐ sử dụng ở bộ phận trực tiếp sản xuất, gồm :

1. Máy móc thiết bị : Nguyên giá 400.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao 12%/năm.
2. Một dây chuyền công nghệ : nguyên giá 800.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao 12%/năm.

TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất, gồm :

3. Nhà xưởng : Nguyên giá 600.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao 12%/năm.
4. Phương tiện vận tải : Nguyên giá 150.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao 20%/năm.

Tài liệu 5 : Kết quả sản xuất :

1. Trong tháng nhập kho 1.000 thành phẩm.
2. Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ là 1.200.000 đồng.

3. Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ là 200 sản phẩm. Biết rằng doanh nghiệp áp dụng phương pháp đánh sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu chính.
4. Xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
5. Chi khác bằng tiền mặt là 90.000 đồng ở bộ phận quản lý phân xưởng.

Yêu cầu : Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính giá thành sản phẩm.

Lời giải đề nghị :

Nhập kho vật liệu chính :

1a	Nợ	1521	6.000.000
	Nợ	133	600.000
	Có	331	6.600.000

Chi phí vận chuyển bốc dỡ liên quan đến hàng nhập kho vật liệu chính :

1b	Nợ	1521	300.000
	Nợ	133	15.000
	Có	111	315.000

Chiết khấu thương mại được hưởng liên quan đến hàng nhập kho vật liệu chính :

1c	Nợ	331	300.000
	Có	1521	300.000

Nhập kho vật liệu phụ :

2a	Nợ	1522	950.000
	Nợ	133	95.000
	Có	112	1.045.000

Chi phí vận chuyển bốc dỡ liên quan đến hàng nhập kho vật liệu phụ :

2b	Nợ	1522	50.000
	Nợ	133	5.000
	Có	111	55.000

Xuất kho vật liệu chính :

3	Nợ	621	6.000.000
	Có	1521	6.000.000

Xuất kho vật liệu phụ :

4	Nợ	621	600.000
	Nợ	627	100.000
	Có	1521	700.000

Tiền lương phải trả cho CB-CNV :

5	Nợ	622	8.000.000
	Nợ	627	1.000.000
	Nợ	641	2.000.000
	Nợ	642	1.500.000
	Có	334	12.500.000

Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào các chi phí liên quan :

6	Nợ	622	1.520.000
	Nợ	627	190.000
	Nợ	641	380.000
	Nợ	642	285.000
	Nợ	334	750.000
	Có	338	3.125.000

Mức khấu hao ở bộ phận trực tiếp sản xuất, máy móc thiết bị :

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{400.000.000 * 12\%}{12} = 4.000.000 \text{ đồng}$$

Mức khấu hao ở bộ phận trực tiếp sản xuất, dây chuyền công nghệ :

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{800.000.000 * 12\%}{12} = 8.000.000 \text{ đồng}$$

Mức trích khấu hao kỳ này ở bộ phận trực tiếp sản xuất :

$$\text{Mức khấu hao} = 4.000.000 + 8.000.000 = 12.000.000$$

Mức khấu hao ở phân xưởng sản xuất, nhà xưởng :

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{600.000.000 * 12\%}{12} = 6.000.000 \text{ đồng}$$

Mức khấu hao ở phân xưởng sản xuất, phương tiện vận tải :

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{150.000.000 * 20\%}{12} = 2.500.000 \text{ đồng}$$

Mức trích khấu hao kỳ này ở bộ phận quản lý phân xưởng :

$$\text{Mức khấu hao} = 6.000.000 + 2.500.000 = 8.500.000$$

Trích khấu hao tài sản cố định :

7	Nợ	627	20.500.000
		Có 214	20.500.000

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm :

8	Nợ	154	6.600.000
		Có 621	6.600.000

Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm :

9	Nợ	154	9.520.000
		Có 622	9.520.000

Kết chuyển chi phí sản xuất chung trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm :

10	Nợ	154	21.880.000
		Có 627	21.880.000

Hoặc :

Kết chuyển chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm :

10	Nợ	154	38.000.000
		Có 621	6.600.000
		Có 622	9.520.000
		Có 627	21.880.000

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ :

$$\text{CPSPDDCK} = \frac{1.200.000 + 6.000.000}{1.000 + 200} * 200 = 1.200.000$$

Tổng giá thành nhập kho :

$$\text{Tổng giá thành} = 1.200.000 + 38.000.000 - 1.200.000 = 38.000.000$$

Giá thành đơn vị sản phẩm

$$\text{Zđơn vị} = \frac{38.000.000}{1.000} = 38.000$$

Bút toán nhập kho thành phẩm :

11	Nợ	155	38.000.000
		Có 154	38.000.000

5.2.4 Bài tập số 04

Tại một doanh nghiệp sản xuất 02 loại sản phẩm A và B. Số dư đầu kỳ của một số tài khoản như sau :

- TK 1521 : 24.000.000 đồng (số lượng 4.000 kg).

- TK 1522 : 5.600.000 đồng (số lượng 2.800 kg).
- TK 154 : 12.000.000 đồng, trong đó chi tiết gồm :
 - + Tài khoản 154 A : 8.000.000 đồng.
 - + Tài khoản 154 B : 4.000.000 đồng.

Các tài khoản khác có số dư đầu tháng giả định (xxx).

Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau :

1. Nhập kho 5.000 kg vật liệu chính và 2.000 kg vật liệu phụ. Giá mua chưa có thuế GTGT lần lượt là 5.600 đồng/kg vật liệu chính và 2.000 đồng/kg vật liệu phụ, thuế GTGT là 10%. Doanh nghiệp chưa trả tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển chi trả bằng tiền mặt : giá cước chưa có thuế GTGT 1.400.000 đồng, thuế GTGT 70.000 đồng. Doanh nghiệp đã phân bổ chi phí vận chuyển cho vật liệu chính là 1.000.000 đồng, vật liệu phụ 400.000 đồng.

2. Xuất kho vật liệu :

Loại vật liệu Đối tượng chịu chi phí	Vật liệu chính (kg)	Vật liệu phụ (kg)
Sản xuất SP A	5.000	1.800
Sản xuất SP B	2.000	2.200
Phục vụ và quản lý phân xưởng	-	200
Hoạt động bán hàng	-	100
Quản lý doanh nghiệp	-	100

3. Trích khấu hao tài sản cố định tính vào chi phí trong kỳ :

- Tài sản cố định dùng để trực tiếp sản xuất sản phẩm, nguyên giá là 240.000.000 đồng, biết rằng tỷ lệ khấu hao năm là 12%.

- Nhà kho và phương tiện vận tải phục vụ cho phân xưởng sản xuất, nguyên giá là 60.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 15%.
4. Tiền lương phải trả của công nhân viên tính vào chi phí :
- Tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm A : 6.000.000 đồng
 - Tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm B : 4.000.000 đồng
 - Tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng : 2.000.000 đồng
5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí SXKD.
6. Tiền điện trả bằng tiền mặt dùng vào việc sản xuất và quản lý sản xuất tại phân xưởng là 3.300.000 đồng, trong đó thuế GTGT : 300.000 đồng.
7. Báo cáo kết quả sản xuất nhập kho 3.000 sản phẩm A và 2.000 sản phẩm B. Chi phí sản xuất dở dang của sản phẩm A 5.472.000 đồng, của sản phẩm B là 4.288.000 đồng.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh tình hình trên vào sơ đồ tài khoản chữ T. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm A và sản phẩm B. Biết rằng, Doanh nghiệp tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Chi phí sản xuất chung phân bổ theo tiền lương của công nhân sản xuất.

Lời giải đề nghị :

Nhập kho vật liệu chính :

1a	Nợ	1521	28.000.000
----	----	------	------------

	Nợ	133	2.800.000
	Có	331	30.800.000

Nhập kho vật liệu phụ :

1b	Nợ	1522	4.000.000
	Nợ	133	400.000
	Có	331	4.400.000

Chi phí vận chuyển bốc dỡ liên quan đến hàng nhập kho vật liệu chính :

1c	Nợ	1521	1.000.000
	Nợ	1522	400.000
	Nợ	133	70.000
	Có	111	1.470.000

Xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước :

Xuất kho vật liệu chính :

2a	Nợ	621A	29.800.000
	Nợ	621B	11.600.000
	Có	1521	41.000.000

Xuất kho vật liệu phụ :

2b	Nợ	621A	3.600.000
	Nợ	621B	4.640.000
	Có	1521	8.240.000

Xuất kho vật liệu phụ :

2c	Nợ	627	440.000
	Nợ	641	220.000
	Nợ	642	220.000
	Có	1521	880.000

Trích khấu hao TSCĐ trong tháng :

3	Nợ	627	2.400.000
	Nợ	641	750.000
		Có 214	3.150.000

Tiền lương phải trả cho CB-CNV :

4	Nợ	622A	6.000.000
	Nợ	622B	4.000.000
	Nợ	627	2.000.000
		Có 334	12.000.000

Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào các chi phí liên quan :

5	Nợ	622A	1.140.000
	Nợ	622B	760.000
	Nợ	627	380.000
		Có 338	2.280.000

Chi khác bằng tiền mặt :

6	Nợ	627	3.000.000
	Nợ	133	300.000
		Có 331	3.300.000

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm A :

7a	Nợ	154A	33.400.000
		Có 621A	33.400.000

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm B :

7b	Nợ	154B	16.240.000
		Có 621B	16.240.000

Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm A :

8a	Nợ	154A	7.140.000
		Có 622A	7.140.000

Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm B :

8b	Nợ	154B	4.760.000
		Có 622B	4.760.000

Kết chuyển chi phí sản xuất chung trực tiếp vào để tính giá thành sản phẩm :

9	Nợ	154A	4.932.000
	Nợ	154B	3.288.000
		Có 627	8.220.000

Tổng chi phí sản xuất chung : 8.220.000 đồng, phân bổ theo tiêu thức tiền lương trực tiếp sản xuất sản phẩm A : B là : 6 : 4.

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ : Sản phẩm A : 5.472.000 đồng;
B : 4.288.000 đồng

Tổng giá thành nhập kho của sản phẩm A :

$$8.000.000 + 45.472.000 - 5.472.000 = 48.000.000$$

$$\text{Đơn vị A} = \frac{48.000.000}{1.000} = 16.000$$

Bút toán nhập kho thành phẩm A :

10a	Nợ	155	48.000.000
		Có 154	48.000.000

Tổng giá thành nhập kho của sản phẩm B :

$$4.000.000 + 24.288.000 - 4.288.000 = 24.000.000$$

$$\text{Đơn vị B} = \frac{24.000.000}{2.000} = 12.000$$

Bút toán nhập kho thành phẩm B :

10b	Nợ	155	24.000.000	
		Có	154	24.000.000

5.2.5 Bài tập số 05

Tại một doanh nghiệp có các tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất và kinh doanh như sau :

Số dư đầu kỳ của một số tài khoản :

- Tài khoản nguyên vật liệu đầu kỳ gồm : nguyên vật liệu chính 4.000 kg, trị giá 16.0000.000 đồng, và vật liệu phụ 2.000 kg trị giá 2.000.000 đồng.
- Tài khoản chi phí sản xuất dở dang là 800.000 đồng, áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu chính.

Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau :

1. Doanh nghiệp nhập kho nguyên vật liệu chính 8.000 kg, đơn giá 3.800 đồng/kg, thuế GTGT 10%, chưa trả cho người bán, các chi phí vận chuyển bốc dỡ là 1.600.000 đồng/kg, thuế GTGT 5%, thanh toán bằng tiền mặt cho bên cung cấp.
2. Doanh nghiệp mua một số vật liệu phụ 1.000 kg, đơn giá chưa gồm 10% thuế GTGT là 900 đồng/kg, chi phí phát sinh trước khi nhập kho là 100.000 đồng, 5% thuế GTGT tất cả trả bằng tiền mặt.
3. Xuất kho 8.000 kg nguyên vật liệu chính cho trực tiếp sản xuất sản phẩm là 7.000 kg, 1.000 kg sử dụng ở bộ phận quản lý phân xưởng.
4. Doanh nghiệp xuất vật liệu phụ cho sản xuất sản phẩm là 600 kg, trực tiếp sản xuất sản phẩm, phân xưởng sản xuất sản phẩm là 400 kg.

5. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 40.000.000 đồng, ở bộ phận quản lý phân xưởng là 10.000.000 đồng.
6. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
7. Khấu hao máy dùng ở bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm là 6.000.000 đồng, ở bộ phận quản lý phân xưởng là 4.000.000 đồng.
8. Chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt tại phân xưởng sản xuất là 5.500.000 đồng bao gồm 10% thuế GTGT.
9. Phân xưởng sản xuất báo hỏng một công cụ dụng cụ có giá trị ban đầu là 6.000.000 đồng, thuộc loại phân bổ 3 kỳ, phế liệu thu hồi bán thu bằng tiền mặt là 500.000 đồng.
10. Trong kỳ nhập kho 2.000 thành phẩm, số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ là 400. Biết rằng doanh nghiệp áp dụng phương pháp xuất kho phương pháp bình quân gia quyền.

Yêu cầu : Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản.

Lời giải đề nghị :

Nhập kho nguyên vật liệu chính :

1a	Nợ	152	30.400.000
		Nợ	133
			3.040.000
		Có	331
			33.440.000

Chi phí liên quan :

1b	Nợ	152	1.600.000
		Nợ	133
			80.000
		Có	111
			1.680.000

Nhập kho vật liệu phụ :

2a	Nợ	152		900.000
	Nợ	133		90.000
		C6	111	990.000
Chi phí liên quan :				
2b	Nợ	152		100.000
	Nợ	133		5.000
		C6	111	105.000
Xuất kho nguyên vật liệu chính :				
3	Nợ	621		28.000.000
	Nợ	627		4.000.000
		C6	152	32.000.000
Xuất kho vật liệu phụ :				
4	Nợ	621		600.000
	Nợ	627		400.000
		C6	152	1.000.000
Tiền lương phải trả :				
5	Nợ	622		40.000.000
	Nợ	627		10.000.000
		C6	334	50.000.000
Trích BHXH, BHYT, KPCĐ :				
6	Nợ	622		7.600.000
	Nợ	627		1.900.000
	Nợ	334		3.000.000
		C6	338	12.500.000
Khấu hao máy móc thiết bị :				
7	Nợ	627		10.000.000
		C6	214	10.000.000

Chi phí khác thanh toán bằng tiền mặt :

8	Nợ	627	5.000.000
	Nợ	133	500.000
	Có	111	5.500.000

Phân xưởng báo hỏng một công cụ dụng cụ :

9	Nợ	627	1.500.000
	Nợ	111	500.000
	Có	142	2.000.000

Kết chuyển chi phí để tính giá thành :

10	Nợ	154	109.000.000
	Có	621	28.600.000
	Có	622	47.600.000
	Có	627	32.800.000

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ :

$$\text{CPSPDDCK} = \frac{800.000 + 28.000.000}{2.000 + 400} * 400 = 4.800.000$$

Giá thành nhập kho :

$$800.000 + 109.000.000 - 4.800.000 = 105.000.000$$

Giá thành đơn vị nhập kho :

$$\text{Giá thành đơn vị} = \frac{105.000.000}{2.000} = 52.500$$

Kết chuyển giá thành nhập kho :

11	Nợ	155	105.000.000
	Có	154	105.000.000

Phản ánh vào sơ đồ tài khoản (đơn vị tính : 1.000 đồng) :

152

<u>XXX</u>	
(1a) 30.400	32.000 (3)
(1b) 1.600	1.000 (4)
(2a) 900	
(2b) 100	

133

<u>XXX</u>	
(1a) 3.040	
(1b) 80	
(2a) 90	
(2b) 5	
(8) 500	

331

	<u>XXX</u>
	33.440 (1a)

111

<u>XXX</u>	
(9) 500	1.680 (1b)
	990 (2a)
	105 (2b)
	5.500 (8)

621

(3) 28.000	28.600 (10)
(4) 600	
28.600	28.600

622

(5) 40.000	57.600 (10)
(5) 10.000	
(6) 7.600	
57.600	57.600

627		154	
		<u>800</u>	
(3) 4.000	32.800 (10)	(10) 28.600	105.000 (11)
(4) 400		(10) 57.600	
(5) 10.000		(10) 32.800	
(6) 1.900			
(7) 10.000			
(8) 5.000			
(9) 1.500			
32.800		109.000	
155		142	
<u>XXX</u>		<u>XXX</u>	
(11) 105.000			2.000 (9)
334		338	
(6) 3.000	50.000 (5)		12.500 (6)
214			
	10.000 (7)		

5.3 BÀI TẬP TỰ GIẢI

5.3.1 Bài tập số 01

Tại một doanh nghiệp có các tài liệu liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Doanh nghiệp mua sắm mới 1 TSCĐ hữu hình, giá mua chưa có thuế GTGT ghi trên hóa đơn là 235.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, đã được doanh nghiệp trả bằng TGNH, chi phí phát sinh trước khi đưa vào sử dụng được tập hợp như sau : Tiền lương phải trả cho CNV là 10.000.000 đồng, vật liệu phụ xuất dùng là 2.000.000 đồng, công cụ xuất dùng 1.000.000 đồng, các khoản chi khác bằng tiền mặt là 2.000.000 đồng. Doanh nghiệp đã tăng vốn kinh doanh từ vốn đầu tư xây dựng cơ bản.
2. Tổng số tiền lương phải thanh toán cho CB-CNV trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó, sản xuất kinh doanh chính là 28.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng là 10.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 5.000.000 đồng và bộ phận bán hàng là 7.000.000 đồng.
3. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định 19% để tính vào các đối tượng chi phí có liên quan.
4. Nhận vốn liên doanh của đơn vị khác bằng TSCĐ hữu hình. Theo thỏa thuận của hai bên thì giá trị thỏa thuận được chấp nhận là 140.000.000 đồng. Biết rằng giá trị còn lại của TSCĐ này là 150.000.000 đồng, giá trị đã hao mòn là 10.000.000 đồng.
5. Mua 1 TSCĐ giá mua trên hóa đơn là 950.000.000 đồng, thuế GTGT là 10% tiền chưa thanh toán cho người bán. Chi phí trước khi đưa vào sử dụng được tập hợp gồm : vận chuyển, bốc dỡ là 5.000.000 đồng chưa thanh toán cho bên cung cấp dịch vụ, tiền lương phải trả là 5.000.000 đồng, các khoản trích theo lương là 950.000 đồng, chi phí lắp đặt, vận hành máy 2.050.000 đồng thanh toán bằng tiền mặt, chi phí vật liệu phụ xuất dùng là 2.000.000 đồng.

6. Rút 150.000.000 đồng tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt để sử dụng trong doanh nghiệp.
7. Một số công nhân nghỉ phép nên chưa kịp nhận lương, doanh nghiệp đã giữ hộ khoản tiền lương này là 2.000.000 đồng. Khi công nhân làm việc trở lại thì doanh nghiệp sẽ thanh toán cho nhân viên.
8. Chi tiền mặt để thanh toán lương cho CB-CNV sau khi trừ các khoản trừ lương và các khoản tiền lương mà doanh nghiệp giữ hộ.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

5.3.2 Bài tập số 02

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đồng Tâm khi mới đi vào hoạt động, với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, gồm văn phòng làm việc 3.800.000.000 đồng, thiết bị văn phòng 600.000.000 đồng, công cụ dụng cụ 100.000.000 đồng, và tiền gửi ngân hàng 500.000.000 đồng. Công ty đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đánh giá tồn kho theo phương pháp bình quân. Trong kỳ công ty có các nghiệp vụ sau :

1. Nhận vốn góp của cổ đông bằng tiền mặt 500.000.000 đồng, bằng chuyển khoản 600.000.000 đồng.
2. Mua hàng X để kinh doanh, gồm 10.000 đơn vị, đơn giá 18.600 đồng, thuế GTGT 10%. Đã thanh toán bằng chuyển khoản.
3. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt là 120.000.000 đồng. Doanh nghiệp chi quảng cáo 15.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, bằng tiền mặt.
4. Xuất bán 6.000 đơn vị hàng X, đơn giá chưa thuế 20.500 đồng, thuế GTGT 10%. Doanh nghiệp đã thu bằng chuyển khoản.
5. Chi tiền mặt cho ngày khai trương công ty 12.400.000 đồng.

6. Xuất bán thu tiền mặt 3.000 đơn vị hàng X, đơn giá chưa thuế 26.500 đồng, gồm 10% thuế GTGT.
7. Chi phí đăng ký con dấu của công ty thanh toán tiền mặt là 150.000 đồng.
8. Nhập kho 10.000 đơn vị hàng X, đơn giá 19.600 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho khách hàng. Hàng về nhập kho đủ.
9. Nhận giấy báo dịch vụ gồm : Tiền điện phải trả 2.650.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, tiền điện thoại phải trả 1.100.000 đồng, thuế GTGT 10%, phục vụ quản lý doanh nghiệp, tiền nước phải trả 1.000.000 đồng, thuế GTGT 5% phục vụ quản lý doanh nghiệp.
10. Chi tiền mặt tạm ứng tiền lương cho nhân viên bán hàng 12.400.000 đồng, nhân viên quản lý doanh nghiệp 8.000.000 đồng.
11. Nhập kho một công cụ dụng cụ, trị giá 9.020.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT chưa thanh toán cho người bán.
12. Tính tiền lương phải trả nhân viên bán hàng trong tháng là 24.000.000 đồng nhân viên quản lý 15.200.000 đồng đồng thời trích các khoản trên tiền lương bằng 19% tính vào chi phí có liên quan và 6% trừ lương của người lao động.
13. Một cổ đông mượn tạm 100.000.000 đồng bằng tiền mặt.
14. Tính khấu hao tài sản trong tháng của bộ phận bán hàng 7.000.000 đồng, bộ phận quản lý 10.500.000 đồng.

Yêu cầu :

1. Lập bảng cân đối kế toán đầu kỳ của công ty.
2. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên và xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

3. Mở tài khoản ghi số dư đầu kỳ, số phát sinh, và tính số dư cuối kỳ.
4. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ của công ty.

5.3.3 Bài tập số 03

Tại một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thương mại Tường Minh có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán ghi nhận như sau :

1. Nhập vật liệu chưa trả tiền người bán : Vật liệu chính 5.000 kg, giá mua 13.600 đồng/kg, thuế GTGT 10%. Vật liệu phụ 3.000 kg, giá mua 11.900 đồng/kg, thuế GTGT 10%. Chi phí vận chuyển trả bằng tiền mặt là 1.540.000 đồng, tiền lương phải trả cho công nhân bốc dỡ 800.000 đồng cho cả 2 loại vật liệu này, chi phí này được phân bổ cho từng loại theo tỷ lệ với trọng lượng nhập kho.
2. Nhập kho công cụ dụng cụ trả bằng TGNH là 3.800.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ là 10%. Khi nhập kho phát hiện thiếu một số công cụ dụng cụ trị giá 200.000 đồng, chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý.
3. Tiền lương phải thanh toán cho CB-CNV trực tiếp sản xuất sản phẩm là 60.000.000 đồng, trong đó sản xuất sản phẩm A là 22.000.000 đồng, sản xuất sản phẩm B là 38.000.000 đồng; quản lý phân xưởng 6.000.000 đồng; hoạt động bán hàng 10.000.000 đồng; quản lý doanh nghiệp : 4.000.000 đồng.
4. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định 19% để tính vào các đối tượng chi phí có liên quan.
5. Chi tiền mặt ứng lương đợt 1 (50%) cho CB-CNV trong doanh nghiệp.
6. Tạm ứng 3.500.000 đồng bằng tiền mặt mua văn phòng phẩm phục vụ cho bộ phận văn phòng.

7. Các khoản chi cho hoạt động công đoàn của doanh nghiệp được chi trực tiếp bằng tiền mặt là 1.200.000 đồng.
8. CB–CNV giải chi tạm ứng ở nghiệp vụ số 6 gồm mua văn phòng phẩm cho bộ phận văn phòng 1.100.000 đồng, gồm 5% thuế GTGT, mua 1 công cụ dụng cụ sử dụng tại văn phòng có trị giá 2.100.000 đồng, gồm thuế GTGT là 5% thuộc loại phân bổ hai lần.
9. Khấu trừ vào tiền lương các khoản :
 - Tiền nhà, điện, nước, tiền điện thoại 1.700.000 đồng
 - Tiền bắt bồi thường do mất công cụ dụng cụ 2.100.000 đồng
 - Tiền tạm ứng chưa hoàn trả 1.200.000 đồng
10. Nhận vốn liên doanh của đơn vị khác bằng TSCĐ hữu hình. Giá thỏa thuận hai bên chấp nhận là 500.000.000 đồng. Biết rằng giá trị còn lại của TSCĐ này là 400.000.000 đồng, giá trị đã hao mòn là 130.000.000 đồng.

Yêu cầu : Định khoản và ghi vào sơ đồ tài khoản có liên quan các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

5.3.4 Bài tập số 04

Tại một doanh nghiệp sản xuất thương mại Tân Vạn An, có 1 phân xưởng sản xuất 2 loại sản phẩm A, B có tài liệu được ghi nhận như sau :

1. Tiền lương nhân viên phục vụ và quản lý tại phân xưởng sản xuất là 100.000.000 đồng.
2. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm A là 600.000.000 đồng, sản xuất sản phẩm B là 400.000.000 đồng.

3. Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo quy định tính vào chi phí có liên quan, kể cả phần trừ lương của người lao động.
4. Công cụ xuất dùng có giá trị 2.000.000 đồng và phân bổ 2 lần.
5. Khấu hao máy móc thiết bị dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm 2.400.000 đồng, phương tiện quản lý tại phân xưởng là 1.600.000 đồng.
6. Khoản chi khác phát sinh tại phân xưởng sản xuất thanh toán bằng tiền mặt là 13.200.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT.
7. Nguyên vật liệu trong kỳ xuất dùng cho bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm A : 50.000.000 đồng, trực tiếp sản xuất sản phẩm B là 30.000.000 đồng, xuất dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng là 2.000.000 đồng.
8. Cuối tháng kế toán đã phân bổ chi phí sản xuất chung cho 2 loại sản phẩm A, B theo tỉ lệ với tiền lương công nhân sản xuất để kết chuyển vào tài khoản tính giá thành.

Yêu cầu : Hãy định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên sơ đồ tài khoản chữ T. Tính giá thành sản phẩm sản xuất trong kỳ.

5.3.5 Bài tập số 05

Tại công ty TNHH sản xuất, thương mại, dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu Thành Hưng, trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Mua tài sản xuất cố định hữu hình, giá mua chưa có thuế là 170.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, được trả bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí trước khi sử dụng được trả bằng tiền mặt là 11.000.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT.

2. Thanh lý tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 160.000.000 đồng, đã khấu hao hết.
3. Khấu hao tài sản cố định trong tháng tổng cộng là 12.000.000 đồng, phân bổ như sau : Phân xưởng sản xuất 8.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 3.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 1.000.000 đồng.
4. Nhập kho 3.000 kg vật liệu, giá mua chưa thuế là 20.000 đồng/kg, thuế GTGT tính theo thuế suất 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán, chi phí vận chuyển được chi trả bằng tiền mặt là 900.000 đồng. Khoản giảm giá mà bên bán cho doanh nghiệp được hưởng đối với số vật liệu này là 500 đồng/kg.
5. Xuất kho 2.500 kg vật liệu sử dụng cho bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm là 2.400 kg, bộ phận phục vụ ở phân xưởng sản xuất là 100 kg.
6. Nhập kho một số công cụ dụng cụ theo giá mua là 12.100.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT thanh toán bằng chuyển khoản. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ thanh toán bằng tiền mặt là 1.050.000 đồng, gồm 5% thuế GTGT.
7. Vật liệu xuất kho tính theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập xuất, cho biết vật liệu tồn kho đầu tháng là 1.000 kg, đơn giá 20.200 đồng/kg.
8. Nhận vốn góp cổ đông bằng tài sản cố định có nguyên giá 275.000.000 đồng, đã khấu hao 10.000.000 đồng, được các bên liên quan thống nhất lại với giá thỏa thuận là 240.000.000 đồng, thời gian sử dụng hữu ích là 5 năm.
9. Tiền lương phải thanh toán cho công nhân là 120.000.000 đồng phân bổ cho công nhân trực tiếp sản xuất 90.000.000 đồng, cho nhân viên phân xưởng là 14.000.000 đồng, cho nhân viên bán hàng là 12.000.000 đồng và nhân viên quản lý doanh nghiệp là 4.000.000 đồng.

10. Trích BHXH, BHYT và KPCĐ theo quy định tính vào các đối tượng chi phí có liên quan.
11. Xuất kho một số công cụ, dụng cụ sử dụng ở bộ phận sản xuất thuộc loại phân bổ ba lần, trị giá xuất kho ban đầu 12.000.000 đồng.
12. Chi tiền mặt thanh toán đầy đủ số tiền lương còn lại cho nhân viên.

Yêu cầu : Lập định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản chữ T các nghiệp vụ kinh tế.

5.3.6 Bài tập số 06

Tại 1 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh Hà Thành có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau :

1. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt là 100.000.000 đồng.
2. Tính tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất trực tiếp 120.000.000 đồng, lương phải trả cho bộ phận quản lý phân xưởng 14.000.000 đồng.
3. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào các chi phí liên quan, bao gồm cả khoản trừ BHXH, BHYT của người lao động.
4. Chi tạm ứng cho nhân viên trong doanh nghiệp là 4.000.000 đồng.
5. Xuất kho công cụ, dụng cụ dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng thuộc loại phân bổ 3 lần, trị giá gốc là 3.000.000 đồng.
6. Xuất kho nguyên liệu chính 120.000.000 đồng, vật liệu phụ 30.000.000 đồng đưa vào sản xuất sản phẩm, xuất kho 2.000.000 đồng vật liệu phụ dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng.

7. Chi phí điện, nước, điện thoại trả bằng tiền mặt 5.000.000 đồng.
8. Khấu trừ tiền bồi thường của nhân viên là 2.000.000 đồng, khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của Ban Giám đốc là 13.000.000 đồng.
9. Doanh nghiệp mua 20.000.000 đồng chứng khoán ngắn hạn bằng tiền gửi ngân hàng.
10. Nhập kho công cụ dụng cụ trả bằng TGNH là 7.600.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ là 10%. Chi phí vận chuyển bốc dỡ thanh toán bằng tiền là 330.000 đồng, gồm thuế GTGT 10%. Khi nhập kho phát hiện thiếu một số công cụ dụng cụ trị giá 200.000 đồng, chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý.
11. Xuất kho nhiên liệu sử dụng ở bộ phận quản lý phân xưởng là 1.500.000 đồng.
12. Kết quả trong kỳ doanh nghiệp sản xuất được 1.000 sản phẩm, trị giá sản phẩm dở dang đầu kỳ 2.000.000 đồng.

Yêu cầu : Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ kinh tế có liên quan. Tính giá thành đơn vị sản phẩm trong 2 trường hợp :

- a. Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là 1.240.000 đồng, phế liệu thu hồi bằng tiền mặt là 160.000 đồng.
- b. Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ là 200 sản phẩm, phế liệu thu hồi là 160.000 đồng. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính.

5.3.7 Bài tập số 07

Tại 1 doanh nghiệp sản xuất, thương mại và kinh doanh dịch vụ có các số liệu liên quan đến tình hình sản xuất của doanh nghiệp như sau :

Tài liệu 1 : Số dư đầu kỳ của một số tài khoản :

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang : 2.400.000 đồng
- Tạm ứng : 2.600.000 đồng
- Phải thu của khách hàng : 123.000.000 đồng

Tài liệu 2 : Tình hình phát sinh trong kỳ :

1. Xuất kho vật liệu sử dụng cho bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm 142.000.000 đồng, phục vụ ở phân xưởng sản xuất 40.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 21.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 27.000.000 đồng.
2. Tiền lương phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm 90.000.000 đồng, nhân viên phân xưởng là 12.000.000 đồng, nhân viên bán hàng là 18.000.000 đồng và nhân viên quản lý doanh nghiệp là 24.000.000 đồng.
3. Trích BHXH, BHYT và KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
4. Khấu hao tài sản cố định ở bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm là 12.000.000 đồng, ở phân xưởng sản xuất 6.000.000 đồng, bộ phận bán hàng là 4.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000 đồng.
5. Trong kỳ sản xuất hoàn thành 2.000 sản phẩm đã nhập kho thành phẩm. Cho biết chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 3.200.000 đồng, doanh nghiệp đánh giá sản phẩm dở dang theo nguyên vật liệu trực tiếp vật liệu phụ bỏ ngay từ đầu quá trình sản xuất.

Yêu cầu : Tính giá thành sản phẩm, định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sơ đồ tài khoản.

5.3.8 Bài tập số 08

Tại 1 doanh nghiệp sản xuất và thương mại Tân Hưng có các tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh được kế toán ghi nhận như sau :

1. Mua tài sản cố định hữu hình mới, giá mua 120.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho khách hàng, chi phí lắp đặt, chạy thử 5.500.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, đã trả hết bằng tiền mặt.
2. Nhập kho vật liệu chính trị giá ghi trên hóa đơn là 40.000.000 đồng, thuế GTGT 10% chưa trả tiền cho người bán, chi phí vận chuyển, bốc dỡ thanh toán bằng tiền mặt gồm 10% thuế GTGT là 2.200.000 đồng.
3. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 40.000.000 đồng, cho bộ phận quản lý phân xưởng là 20.000.000 đồng.
4. Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ lương của người lao động.
5. Nhập kho vật liệu phụ trị giá ghi trên hóa đơn là 11.000.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT, chưa trả tiền cho người bán, chi phí vận chuyển, bốc dỡ thanh toán hộ bằng tiền mặt gồm 10% thuế GTGT là 600.000 đồng.
6. Xuất vật liệu chính, vật liệu phụ cho trực tiếp sản xuất sản phẩm lần lượt là 30.000.000 đồng, 6.000.000 đồng, xuất kho vật liệu phụ cho phân xưởng sản xuất sản phẩm là 2.000.000 đồng.
7. Tạm ứng lương đợt I cho người lao động bằng tiền mặt là 30.000.000 đồng.

8. Xuất công cụ dùng cho phân xưởng sản xuất trị giá xuất kho ban đầu là 1.800.000 đồng, biết rằng công cụ, dụng cụ này thuộc loại phân bổ 3 lần.
9. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên phân xưởng sản xuất đi công tác là 3.000.000 đồng.
10. Nhập kho 10.000 sản phẩm hoàn thành, biết rằng chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ 1.200.000 đồng, doanh nghiệp đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp nguyên vật liệu chính.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính giá thành sản phẩm, biết rằng nguyên vật liệu chính không dùng hết còn lại tại phân xưởng vào cuối kỳ 1.600.000 đồng, sản phẩm dở dang cuối kỳ là 3.900.000 đồng, phế liệu thu hồi bán thu bằng tiền mặt 270.000 đồng.

5.3.9 Bài tập số 09

Tại doanh nghiệp sản xuất, thương mại và kinh doanh dịch vụ vận tải trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán ghi nhận như sau :

1. Nhập kho nguyên vật liệu trị giá ghi trên hóa đơn là 140.000.000 đồng, thuế GTGT 10% chưa trả tiền cho người bán, chi phí vận chuyển, bốc dỡ thanh toán bằng tiền mặt gồm 10% thuế GTGT là 3.300.000 đồng.
2. Xuất kho nguyên vật liệu dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm là 60.000.000 đồng, cho bộ phận quản lý phân xưởng là 5.000.000 đồng.
3. Tiền lương phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 48.000.000 đồng, cho nhân viên quản lý phân xưởng là 12.000.000 đồng.
4. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ lương của người lao động.

5. Khấu hao TSCĐ sử dụng cho bộ phận sản xuất là 3.200.000 đồng, cho bộ phận quản lý phân xưởng là 1.800.000 đồng.
6. Chi phí bảo dưỡng thường xuyên máy móc thiết bị trong phân xưởng sản xuất thanh toán bằng tiền mặt 3.300.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT.
7. Nhiên liệu xuất dùng chạy máy móc thiết bị trong phân xưởng sản xuất 1.000.000 đồng.
8. Tiền điện, nước, tiền điện thoại phải trả sử dụng trong phân xưởng sản xuất là 4.400.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 10%.
9. Trong tháng doanh nghiệp sản xuất hoàn thành nhập kho 2.000 sản phẩm. Biết rằng, chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ là 1.200.000 đồng, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 1.500.000 đồng.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh tình hình trên vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ phát sinh. Tính giá thành sản phẩm nhập kho trong kỳ.

5.3.10 Bài tập số 10

Tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Khôi Nguyên, sản xuất 02 loại sản phẩm A và B. Số dư đầu kỳ của một số tài khoản như sau :

- TK 152 (vật liệu chính) : 64.000.000 đồng (số lượng 4.000 kg).
- TK 152 (vật liệu phụ) : 36.400.000 đồng (số lượng 2.800 kg).
- TK 154 : 48.000.000 đồng, trong đó chi tiết gồm :
 - + Tài khoản 154 A : 26.000.000 đồng.
 - + Tài khoản 154 B : 22.000.000 đồng.
- Các tài khoản khác có số dư đầu kỳ giả định (xxx).

Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau :

1. Nhập kho 2.600 kg vật liệu chính và 1.800 kg vật liệu phụ. Giá mua chưa có thuế GTGT lần lượt là 15.600 đồng/kg vật liệu chính và 12.000 đồng/kg vật liệu phụ, thuế suất GTGT là 10%. Doanh nghiệp chưa trả tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển chi trả bằng tiền mặt cho người vận chuyển, giá cước chưa có thuế GTGT 1.920.000 đồng, thuế GTGT 96.000 đồng. Doanh nghiệp đã phân bổ chi phí vận chuyển cho vật liệu chính là 1.040.000 đồng, vật liệu phụ 880.000 đồng.

2. Xuất kho vật liệu :

Chỉ tiêu	Vật liệu chính (kg)	Vật liệu phụ (kg)
- Sản xuất SP A	5.000	1.800
- Sản xuất SP B	1.500	2.200
- Phục vụ và quản lý PX	-	200
- Hoạt động bán hàng	-	100
- Quản lý doanh nghiệp	-	100

3. Trích khấu hao tài sản cố định tính vào chi phí trong kỳ :
 - Tài sản cố định phục vụ ở phân xưởng, nguyên giá là 240.000.000 đồng, biết rằng tỷ lệ khấu hao năm là 12%.
 - Nhà kho và phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động bán hàng, nguyên giá là 60.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 15%.
 - Tài sản cố định khác dùng cho quản lý doanh nghiệp, nguyên giá : 48.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 14%.
4. Tiền lương phải trả của công nhân viên tính vào chi phí :

- Tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm A : 26.000.000 đồng
 - Tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm B : 14.000.000 đồng
 - Tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng : 12.000.000 đồng
 - Tiền lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp : 18.000.000 đồng
5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
 6. Tiền điện trả bằng tiền mặt dùng vào việc sản xuất và quản lý sản xuất tại phân xưởng là 3.300.000 đồng, trong đó thuế GTGT 10%.
 7. Vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm A sử dụng không hết nhập lại kho nguyên vật liệu chính là 2.040.000 đồng.
 8. Báo cáo kết quả sản xuất nhập kho 5.000 sản phẩm A và 4.000 sản phẩm B. Chi phí sản xuất dở dang của sản phẩm A 25.940.000 đồng, của sản phẩm B là 7.820.000 đồng.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản chữ T. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm A và sản phẩm B. Biết rằng doanh nghiệp tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí sản xuất chung phân bổ theo tiền lương của công nhân sản xuất.

5.3.11 Bài tập số 11

Tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Long, trong kỳ có các tài liệu liên quan đến hoạt động trong kỳ được kế toán ghi nhận như sau :

Tài liệu 1 : Số dư đầu kỳ của một số tài khoản như sau :

- Tài khoản 152 (vật liệu chính) : 64.000.000 đồng (số lượng 8.000 kg).
- Tài khoản 152 (vật liệu phụ) : 36.400.000 đồng (số lượng 5.600 kg).
- Tài khoản 154 : 48.000.000 đồng.

Tài liệu 2 : Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau :

1. Nhập kho một số công cụ dụng cụ theo giá mua ghi trên hóa đơn bao gồm 10% thuế GTGT là 13.200.000 đồng, chưa thanh toán cho khách hàng, chi phí vận chuyển, bốc dỡ thanh toán hộ cho người bán bằng tiền mặt là 867.000 đồng, thuế GTGT 10%.
2. Nhập kho 5.200 kg vật liệu chính và 3.600 kg vật liệu phụ. Giá mua chưa có thuế GTGT lần lượt là 15.600 đồng/kg vật liệu chính và 12.000 đồng/kg vật liệu phụ, thuế suất GTGT là 10%. Doanh nghiệp chưa trả tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển chi trả bằng tiền mặt cho người vận chuyển : giá cước chưa có thuế GTGT 3.840.000 đồng, thuế GTGT 5%. Doanh nghiệp đã phân bổ chi phí vận chuyển cho vật liệu chính là 2.080.000 đồng, vật liệu phụ 1.760.000 đồng.
3. Xuất kho 6.500 kg nguyên vật liệu chính và 4.000 kg vật liệu phụ dùng để sản xuất sản phẩm A, xuất kho 200 kg vật liệu phụ dùng cho phân xưởng sản xuất, xuất kho 200 kg vật liệu chính và 100 kg vật liệu phụ sử dụng ở bộ phận bán hàng, xuất kho 300 kg vật liệu chính và 100 kg vật liệu phụ sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp.
4. Trích khấu hao tài sản cố định tính vào chi phí trong kỳ gồm tài sản cố định dùng để trực tiếp sản xuất sản phẩm, nguyên giá là 640.000.000 đồng, biết rằng tỷ lệ khấu hao năm là 12%.

Nhà kho và phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động bán hàng, nguyên giá là 600.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 15%. Tài sản cố định khác dùng cho quản lý doanh nghiệp, nguyên giá : 480.000.000 đồng, tỷ lệ khấu hao năm là 20%.

5. Tiền lương phải trả của công nhân viên tính vào chi phí gồm tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm A là 40.000.000 đồng, tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng 12.000.000 đồng, tiền lương của bộ phận bán hàng là 15.000.000 đồng và tiền lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp là 18.000.000 đồng.
6. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, kể cả phần trừ lương của CB-CNV về khoản BHXH, BHYT.
7. Tiền điện, tiền nước trả bằng tiền mặt dùng vào việc sản xuất và quản lý sản xuất tại phân xưởng là 3.300.000 đồng, trong đó gồm thuế GTGT 10%.
8. Vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm A sử dụng không hết nhập lại kho nguyên vật liệu chính là 2.040.000 đồng.
9. Chi phí khác phát sinh tại phân xưởng và thanh toán bằng tiền mặt là 4.400.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT.
10. Báo cáo kết quả sản xuất nhập kho 9.000 sản phẩm A. Chi phí sản xuất dở dang của sản phẩm A 33.760.000 đồng.

Yêu cầu : Tính toán, định khoản và phản ánh tình hình trên vào sơ đồ tài khoản chữ T. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm A, biết rằng doanh nghiệp tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3.12 Bài tập số 12

Tại một doanh nghiệp sản xuất Thành Hưng, trong kỳ sản 1 loại sản phẩm có các số liệu liên quan được kế toán ghi nhận như sau :

Số dư đầu kỳ của tài khoản 154 : 3.000.000 đồng.

Tình hình phát sinh trong kỳ :

1. Nhập kho 120.000 đồng nguyên vật liệu, thuế GTGT tính theo thuế suất 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán, chi phí vận chuyển được chi trả bằng tiền mặt là 1.000.000 đồng, thuế GTGT 10%. Khoản giảm giá mà bên bán cho doanh nghiệp được hưởng đối với số vật liệu này là 2.000.000 đồng.
2. Xuất kho nguyên vật liệu sử dụng cho bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm là 48.000.000 đồng, bộ phận quản lý phân xưởng sản xuất 12.000.000 đồng.
3. Nhập kho một số công cụ dụng cụ trả bằng chuyển khoản là 11.600.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ là 10%. Chi phí vận chuyển bốc dỡ thanh toán bằng tiền là 440.000 đồng, gồm thuế GTGT 10%. Khi nhập kho phát hiện thiếu một số công cụ dụng cụ trị giá 500.000 đồng, chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý.
4. Mua tài sản xuất cố định hữu hình, giá mua chưa có thuế là 370.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, được trả bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí trước khi sử dụng được trả bằng tiền mặt là 11.000.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT.
5. Tiền lương phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất là 28.000.000 đồng, cho nhân viên phân xưởng là 12.000.000 đồng.
6. Trích BHXH, BHYT và KPCĐ theo tỷ lệ quy định để tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ lương của người lao động.

7. Khấu hao tài sản cố định tính cho phân xưởng sản xuất là 6.000.000 đồng.
8. Trong tháng phân xưởng sản xuất hoàn thành 800 sản phẩm, đã nhập kho thành phẩm, cho biết chi phí sản xuất dở dang cuối tháng là 5.000.000 đồng.

Yêu cầu : Định khoản và ghi vào sơ đồ tài khoản chữ T có liên quan. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm.

CHƯƠNG 6

KẾ TOÁN TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1 NHỮNG NỘI DUNG CẦN NHỚ

- Quá trình tiêu thụ sản phẩm là quá trình đem sản phẩm đi bán.
- Bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào.
- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- Trong quá trình bán hàng, có phát sinh các chi phí sau :
 - + Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất bán trong kỳ.
 - + Chi phí bán hàng : Là chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ hàng hóa : Gồm vận chuyển, bốc xếp, quảng cáo, lương bộ phận bán hàng, khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng, khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng, chi phí nguyên vật liệu, công cụ và chi phí bằng tiền khác,...
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp : Là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức quản lý và điều hành doanh nghiệp : Gồm

lương, khấu hao TSCĐ, công cụ, dụng cụ và các chi phí bằng tiền khác phục vụ ở bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu : phải nộp cho Nhà nước theo quy định.

Kết quả bán hàng là kết quả lãi hoặc lỗ của doanh nghiệp qua một kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh và được tính như sau :

$$\text{Lãi (lỗ)} = \text{Doanh thu thuần} - (\text{Giá vốn hàng bán} + \text{CP bán hàng} + \text{CP QLDN})$$

Trong đó :

$$\begin{matrix} \text{Doanh thu thuần} & = & \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} & - & \text{Chiết khấu thương mại} & - & \text{Giảm giá hàng bán} & - & \text{Hàng bán bị trả lại} & - & \text{Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB} \end{matrix}$$

Việc xác định và phân phối kết quả kinh doanh có thể được biểu diễn bằng sơ đồ sau :

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ				
Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ			
	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính	
		Chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN, chi phí tài chính	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Thu nhập khác
			Tổng lợi nhuận	Chi phí khác
			Lợi nhuận	

6.2 BÀI TẬP ỨNG DỤNG

6.2.1 Bài tập số 01

Tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thương mại Hùng Quang có các tài liệu liên quan trong kỳ được kế toán ghi nhận như sau :

Số dư đầu kỳ của tài khoản 154 : 300.000 đồng.

Tình hình phát sinh trong kỳ :

1. Xuất kho vật liệu có trị giá 8.000.000 đồng sử dụng cho :
 - Trực tiếp sản xuất sản phẩm : 6.400.000 đồng
 - Phục vụ ở phân xưởng sản xuất : 800.000 đồng
 - Bộ phận bán hàng : 300.000 đồng
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp : 500.000 đồng
2. Tiền lương phải thanh toán cho công nhân là 3.200.000 đồng trong đó :
 - Công nhân trực tiếp sản xuất : 1.800.000 đồng
 - Nhân viên phân xưởng : 400.000 đồng
 - Nhân viên bán hàng : 400.000 đồng
 - Nhân viên quản lý doanh nghiệp : 600.000 đồng
3. Trích BHXH, BHYT và KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ BHXH, BHYT của CB-CNV.
4. Khấu hao TSCĐ là 2.000.000 phân bổ cho :
 - Phân xưởng sản xuất : 1.200.000 đồng
 - Bộ phận bán hàng : 300.000 đồng
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp : 500.000 đồng

5. Trong tháng sản xuất hoàn thành 2.000 sản phẩm đã nhập kho thành phẩm cho biết chi phí sản xuất dở dang cuối tháng 118.000 đồng.
6. Xuất kho 1.600 sản phẩm để bán trực tiếp cho khách hàng X, giá bán chưa có thuế là 8.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT tính theo thuế suất 10%. Tiền bán hàng khách hàng chưa thanh toán.
7. Khách hàng thanh toán tiền mua sản phẩm cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng ở nghiệp vụ số 6, chiết khấu thanh toán cho khách hàng được hưởng là 1% giá bán chưa có thuế.
8. Xuất kho 200 sản phẩm để bán cho khách hàng Y, giá bán có thuế GTGT là 7.700 đồng/sản phẩm, trong đó thuế GTGT là 10%, khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu :

1. Tính toán, định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản.
2. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm nhập kho.
3. Tiến hành kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Lời giải đề nghị :**Nhập kho nguyên vật liệu :**

1	Nợ	621	6.400.000
	Nợ	627	800.000
	Nợ	641	300.000
	Nợ	642	500.000
	Có	152	8.000.000

Tiền lương phải trả :

2	Nợ	622	1.800.000
	Nợ	627	400.000

Nợ	641	400.000
Nợ	642	600.000
Có	334	3.200.000

Các khoản trích theo lương :

3	Nợ	622	342.000
	Nợ	627	76.000
	Nợ	641	76.000
	Nợ	642	114.000
	Nợ	334	192.000
	Có	334	800.000

Khấu hao TSCĐ :

4	Nợ	627	1.200.000
	Nợ	641	300.000
	Nợ	642	500.000
	Có	334	2.000.000

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung vào để tính giá thành sản phẩm :

5a	Nợ	154	11.018.000
	Có	621	6.400.000
	Có	622	2.142.000
	Có	627	2.476.000

Tổng giá thành nhập kho :

$$300.000 + 11.018.000 - 118.000 = 11.200.000 \text{ đồng}$$

Bút toán nhập kho thành phẩm :

5b	Nợ	155	11.200.000
	Có	154	11.200.000

Giá thành đơn vị sản phẩm :

$$\text{Đơn vị} = \frac{11.200.000}{2.000} = 5.600$$

Xuất kho sản phẩm đi tiêu thụ :

6a	Nợ	632	8.960.000
		Có 155	8.960.000

Doanh thu bán hàng :

6b	Nợ	131	14.080.000
		Có 3331	1.280.000
		Có 511	12.800.000

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng :

7a	Nợ	635	128.000
		Có 131	128.000

Thu tiền khách hàng :

7a	Nợ	112	13.952.000
		Có 131	13.952.000

Xuất kho sản phẩm đi tiêu thụ :

8a	Nợ	632	1.120.000
		Có 155	1.120.000

Doanh thu bán hàng :

8b	Nợ	131	1.540.000
		Có 3331	140.000
		Có 511	1.400.000

Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp :

9a	Nợ	911	12.998.000
		Có 632	10.080.000

Có	635	128.000
Có	641	1.076.000
Có	642	1.714.000

Kết chuyển doanh thu thuần :

9b	Nợ	511	14.200.000
	Có	911	14.200.000

Kết chuyển lãi lỗ :

9c	Nợ	911	1.202.000
	Có	421	1.202.000

6.2.2 Bài tập số 02

Tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Thành Long có các số liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh như sau :

Số dư đầu kỳ của tài khoản 154 : 4.000.000 đồng.

Tình hình phát sinh trong tháng :

1. Xuất kho 50.000.000 đồng nguyên vật liệu sử dụng cho :

-	Trực tiếp sản xuất sản phẩm	:	40.000.000 đồng
-	Phục vụ ở phân xưởng sản xuất	:	6.000.000 đồng
-	Bộ phận bán hàng	:	2.500.000 đồng
-	Bộ phận quản lý doanh nghiệp	:	1.500.000 đồng

2. Tiền lương phải thanh toán cho CNV là : 16.000.000 đồng, trong đó :

-	Công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm	:	8.000.000 đồng
-	Nhân viên quản lý phân xưởng	:	3.000.000 đồng
-	Nhân viên bán hàng	:	2.000.000 đồng
-	Nhân viên quản lý doanh nghiệp	:	3.000.000 đồng

3. Trích BHXH, BHYT và KPCĐ theo tỷ lệ quy định 25%, tính vào các chi phí có liên quan và trừ lương của người lao động.
4. Khấu hao TSCĐ là : 10.000.000 đồng, phân bổ cho :
 - Phân xưởng sản xuất : 6.000.000 đồng
 - Bộ phận bán hàng : 3.000.000 đồng
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp : 1.000.000 đồng
5. Trong tháng sản xuất hoàn thành 1.000 sản phẩm, đã nhập kho thành phẩm. Cho biết chi phí sản xuất dở dang cuối tháng là 3.200.000 đồng.
6. Trong tháng xuất kho tiêu thụ 500 sản phẩm, giá bán một đơn vị sản phẩm là x đồng/sản phẩm.

Yêu cầu :

1. Định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
2. Tính giá thành sản phẩm nhập kho trong kỳ.
3. Tính giá bán 1 đơn vị sản phẩm biết rằng mức lợi nhuận mong muốn là 3.105.000 đồng.

Lời giải đề nghị :**Xuất kho vật liệu sử dụng :**

1	Nợ	621	40.000.000
	Nợ	627	6.000.000
	Nợ	641	2.500.000
	Nợ	642	1.500.000
	Có	152	50.000.000

Tiền lương phải thanh toán cho CB-CNV :

2	Nợ	622	8.000.000
---	----	-----	-----------

	Nợ	627		3.000.000
	Nợ	641		2.000.000
	Nợ	642		3.000.000
		C6	334	16.000.000

Các khoản trích theo lương :

3	Nợ	622		1.520.000
	Nợ	627		570.000
	Nợ	641		380.000
	Nợ	642		570.000
	Nợ	334		960.000
		C6	338	4.000.000

Khấu hao TSCĐ phải trích trong tháng :

4	Nợ	627		6.000.000
	Nợ	641		3.000.000
	Nợ	642		1.000.000
		C6	214	10.000.000

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung vào để tính giá thành sản phẩm :

5a	Nợ	154		65.090.000
		C6	621	40.000.000
		C6	622	9.520.000
		C6	627	15.570.000

Tổng giá thành nhập kho :

$$4.000.000 + 65.090.000 - 3.200.000 = 65.890.000 \text{ đồng}$$

Bút toán nhập kho thành phẩm :

5b	Nợ	155		65.890.000
		C6	154	65.890.000

Giá thành đơn vị sản phẩm :

$$Z_{\text{đơn vị}} = \frac{65.890.000}{1.000} = 65.890$$

Xuất kho sản phẩm đi tiêu thụ :

6a	Nợ	632	32.945.000
		Có 155	32.945.000

Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp :

6b	Nợ	911	46.895.000
		Có 632	32.945.000
		Có 641	7.880.000
		Có 642	6.070.000

Doanh thu = Chi phí + Kết quả

$$= 46.895.000 + 3.105.000 = 50.000.000 \text{ đồng}$$

Kết chuyển thu nhập :

6c	Nợ	911	3.105.000
		Có 421	3.105.000

Kết chuyển doanh thu thuần :

6d	Nợ	511	50.000.000
		Có 911	50.000.000

Doanh thu bán hàng :

6e	Nợ	131	50.000.000
		Có 511	50.000.000

Giá bán đơn vị :

$$\text{Giá bán đơn vị} = \frac{50.000.000}{500} = 100.000 \text{ đồng/sản phẩm}$$

6.2.3 Bài tập số 03

Tại một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh Hồng Quang có các tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận như sau :

Số dư đầu kỳ của một số tài khoản :

- Nguyên vật liệu A : 1.000 kg x 1.300 đồng/kg
- Nguyên vật liệu B : 700 kg x 480 đồng/kg

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ :

1. Tình hình nhập kho nguyên vật liệu :

- Nhập kho 1.000 kg nguyên vật liệu A; giá mua theo hóa đơn 1.100 đồng/kg, trong đó thuế GTGT 10%.
- Nhập kho 500 kg nguyên vật liệu B; giá hóa đơn 660 đồng/kg, trong đó thuế GTGT 10%.

Do nguyên vật liệu B mua với số lượng lớn nên được hưởng khoản chiết khấu thương mại 100 đồng/kg giá chưa có thuế GTGT trên hóa đơn. Biết rằng lô nguyên vật liệu này chưa thanh toán cho nhà cung cấp.

2. Chi phí vận chuyển nguyên vật liệu trả bằng tiền mặt 150.000 đồng, được phân bổ cho mỗi loại vật liệu theo tiêu thức trọng lượng nhập kho.

3. Tình hình vật liệu xuất kho : cho ở bảng

Loại vật liệu Đối tượng sử dụng	Vật liệu A	Vật liệu B
Sản phẩm X	1.500 kg	500 kg
Sản phẩm Y	500 kg	200 kg
Phục vụ phân xưởng	0 kg	100 kg

4. Các chi phí khác cho ở bảng (đơn vị tính : 1.000 đồng) :

Loại chi phí Đối tượng chịu chi phí	Lương	BHXH, BHYT KPCĐ	Khấu hao	Tiền mặt
Sản phẩm X	7.200	1.368		
Sản phẩm Y	4.800	912		
Phục vụ sản xuất	4.000	760	3.600	1.000

5. Kết quả sản xuất hoàn thành nhập kho 1.000 sản phẩm X và 500 sản phẩm Y, biết rằng :

- Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ :

X : 200.000 đồng ; Y : 360.000 đồng.

- Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ :

X : 480.000 đồng ; Y : 543.200 đồng.

6. Tình hình tiêu thụ : Xuất kho 600 sản phẩm X và 400 sản phẩm Y để bán trực tiếp cho khách hàng. Giá bán chưa có thuế GTGT là 25.000 đồng/sản phẩm X, 30.000 đồng/sản phẩm Y, tiền bán hàng thu bằng tiền gửi ngân hàng. Thuế GTGT phải nộp cho 2 loại sản phẩm theo thuế suất 10%.

7. Tài liệu khác : chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được tính và kết chuyển để xác định kết quả. Chi phí bán hàng bằng 1/4 giá vốn hàng bán. Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng 1/2 chi phí bán hàng.

Yêu cầu :

1. Tính toán, định khoản, phản ánh vào sơ đồ tài khoản.
2. Tính giá thành đơn vị sản phẩm X và Y.